UEH UNIVERSITY

UEH Digital Repository

Book Chapter

2021

Cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án Việt Nam thời kỳ chuyển đổi số

ThS. Trần Diệu My

UEH University

Citation:

ThS. Trần Diệu M. (2021), "Cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án Việt Nam thời kỳ chuyển đổi số", Thông tin và Truyền thông

Available at https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/62519

This item is protected by copyright and made available here for research and educational purposes. The author(s) retains copyright ownership of this item. Permission to reuse, publish, or reproduce the object beyond the bounds of Vietnam Intellectual Property Law (2005, 2009 and 2022) or other exemptions to the law must be obtained from the author(s).

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP TẠI TÒA ÁN VIỆT NAM THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ThS. Trần Diệu My

Khoa Luật trường Đại học Kinh tế Tp. HCM

TÓM TẮT

Những tác động từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang đặt ra cho nền tư pháp của nhà nước ta những cơ hội và thách thức mới. Những thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động của Tòa án truyền thống đã trở nên lạc hậu khi đối mặt với sự hình thành của những quan hệ pháp luật mới trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc áp dụng công nghệ trong cải cách tư pháp tại Việt Nam với mô hình Tòa án thông minh, là một xu hướng không thể chối bỏ. Tuy vậy, hoạt động xét xử của Tòa án không thể đáp ứng được những đòi hỏi mới của một mô hình Tòa án mới nếu các bước thủ tục hành chính tư pháp đã trở nên bất cập không được cải thiện một cách đồng bộ. Bài viết chỉ ra một vài vấn đề trong công tác cải cách thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động Tòa án, cũng như đề xuất giải pháp để góp phần xây dựng một hệ thống Tòa án hiện đại và liêm chính.

Từ khóa: *cải cách tư pháp; chuyển đổi số; chữ ký số; thủ tục hành chính tư pháp; Tòa án điện tử*

PHẦN MỞ ĐẦU

Theo dấu vết lịch sử phát triển xã hội, thế giới đã trải qua 3 cuộc cách mạng công nghiệp, mà mỗi cuộc cách mạng công nghiệp là một lần thay đổi căn bản. Hiện nay, thế giới đang ở chặng đường đầu tiên bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hay còn có tên gọi Cách mạng Công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0). Đây là khái niệm xuất phát từ thuật ngữ "Industrie 4.0", lần đầu tiên được đưa ra trong một dự án về chiến lược công nghệ cao của chính phủ Đức năm 2011. Giai đoạn này được đặc trưng bởi sự lên ngôi của những công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, trạng thái số hóa và thông minh hóa các ứng dụng công nghệ thông tin.

Tại Việt Nam, dân số Việt Nam là 97,95 triệu người nhưng có tới hơn 154 triệu thuê bao di động (150% so với dân số Việt Nam), trong đó 64% tài khoản có kết nối mạng 3G, 4G và 5G. Theo thống kê của Hootsuite & Wearesocial (2021), có đến 45,6 triệu người Việt mua hàng tiêu dùng qua

Internet, và có 85,5% người tiêu dùng (16-64 tuổi) được khảo sát cho biết đã từng tìm kiếm sản phẩm/ dịch vụ trên kênh trực tuyến. Đây là những con số "biết nói" chứng tỏ mức độ tác động của Internet tới sinh hoạt thường nhật của người dân Việt Nam là vô cùng lớn. Sự thâm nhập sâu rộng của các ứng dựng công nghệ từ CMCN 4.0 vào các lĩnh vực trong cuộc sống đã hình thành các mối quan hệ xã hội mới, những tương tác mới giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với người lao động và người tiêu dùng, giữa người dân và chính quyền. Sự xuất hiện những mối quan hệ mới này đòi hỏi hệ thống pháp luật cần phải có những điều chỉnh tương ứng.

Những thách thức pháp lý mới ra đời, song hành cùng những hiện tượng kinh tế – xã hội phát sinh từ CMCN 4.0. Sự hình thành nền kinh tế chia sẻ (Uber, Grab, AirBnB…); việc tạo lập, quản lý, chia sẻ các cơ sở dữ liệu thông tin (nhất là thông tin cá nhân); sự xuất hiện các loại tài sản mã hóa, các phương tiện thanh toán mới (Bitcoin, Litecoin…); … dẫn tới xuất hiện các dạng tranh chấp, vi phạm pháp luật và tội phạm mới trên môi trường số. Chẳng hạn đề cập đến vấn đề bảo hộ dữ liệu cá nhân, bảo đảm quyền riêng tư của mỗi người dân trên môi trường số/môi trường Internet cũng như trong đời thực, việc có nhiều thiết bị kết nối internet, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của mạng lưới IoT là nguy cơ dẫn đến lộ lọt bí mật nhà nước và các thông tin riêng tư của cá nhân. Nguy cơ tiềm ẩn này đặt ra thách thức càng lớn đối với pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự. CMCN 4.0 đã vạch ra tấm màn hệ thống pháp luật tại Việt Nam với những "lỗ hổng" pháp lý trong cần được lấp đầy như: khung pháp lý số quốc gia, các luật về thương mại điện tử, an toàn thông tin, chủ quyền số, bảo vệ thông tin và dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ,…

Đáp lại vấn đề cấp thiết trên, Nghị quyết số 48-NQ/TW, Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 2005, đề ra chiến lược là: xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch. Tiếp theo đó, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) năm 2007 với Nghị quyết số 17-NQ/TW cũng đặt ra giải pháp phải "*thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp*". Như vậy, các Nghị quyết trên đã gắn hoạt động cải cách tư pháp với cải cách hành chính, đổi mới công tác lập pháp và yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Bên cạnh đó, sự phối hợp này phải được thực hiện một cách đồng bộ trên các lĩnh vực xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật và bảo vệ pháp luật, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan nhà nước.

Như vậy, hoạt động tư pháp mà quan trọng là hoạt động xét xử của Tòa án, là hình thức áp dụng, bảo vệ pháp luật quan trọng, và cũng cần bắt kịp làn sóng cải cách theo xu hướng mới của thời đại công nghệ số. Trả lời cho vấn đề này, hệ thống Tòa án nhân dân, từ năm 2005, đã xác định "*đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại Toà án theo hướng công khai, đơn giản, thuận tiện để người dân dễ dàng thực hiện quyền khởi kiện của họ trước Toà án, ...; công khai hoá thủ tục tiếp cận hồ sơ, cung cấp tài liệu, thông tin, trích lục bản án, quyết định của Toà án theo quy định của pháp luật*" (Ban Cán sự Đảng TANDTC, 2005). Trên cơ sở này, toàn hệ thống Tòa án nhân dân (TAND) đã tiến hành áp dụng những biện pháp cải cách thủ tục hành chính tư pháp nhất định với mục tiêu trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao, đảm bảo sự liêm chính tư pháp. Nhằm thực hiện được những mục đích trên, việc ứng dụng những thành tựu của CMCN 4.0 trong thực thi pháp luật là một xu thế tất yếu. Trong những năm gần đây, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) đã thực hiện một số các thủ tục hành chính tư pháp bằng phương tiện điện tử (Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016), ban hành nghị quyết về công bố bản án trực tuyến (Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/03/2017), ban hành Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán (Quyết định số 87/QĐ-HĐTC ngày 04/07/2018), ... Chỉ thị số 01/2020/CT-CA của Chánh án TANDTC cũng đề ra nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của TANDTC là tăng cường "*ứng dụng công nghệ thông tin tiến tới xây dựng Tòa án điện tử gắn với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án*".

Từ những yếu tố trên, bài nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu về khung pháp lý hiện hành và thực trạng cải cách một vài thủ tục hành chính tư pháp tại Toà án, từ đó phân tích những hạn chế bất cập, rồi đưa ra các đề xuất thích hợp trong việc tăng cường hiệu quả hoạt động và tính minh bạch, công khai, thống nhất của hệ thống Toà án.

Vậy thủ tục hành chính tư pháp kể trên chính xác là gì? Điều cần được xác định đầu tiên – đây là những thủ tục trong các hoạt động của Tòa án. Như vậy, những thủ tục hành chính tư pháp được hiểu là "*các quy trình, thủ tục mang tính chất hành chính hỗ trợ cho hoạt động xét xử tại Tòa án, giải quyết các yêu cầu của người dân trước và sau các phiên tòa xét xử và các hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Tòa án các cấp. Hoạt động này bao gồm việc tiếp dân; tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện, hồ sơ kháng cáo, kháng nghị, hồ sơ do Viện Kiểm sát chuyển đến, đơn khiếu nại, công văn; phân công giải quyết vụ án; cấp sao lục bản án, quyết định của*

Tòa án; quản lý số lượng án đầu vào, đầu ra, án tồn; bố trí hội trường xét xử và thủ tục quản lý, trao đổi thông tin phục vụ cho sự chỉ đạo, quản lý các lĩnh vực công tác của lãnh đạo Tòa án các cấp" (Bình, 2013, trang 1-6). Hiểu cách khác, các thủ tục hành chính tư pháp trong phạm vi hoạt động của Tòa án là những thủ tục bổ trợ cho các hoạt động tố tụng và hoạt động quản lý, điều hành nội bộ trong chính các cơ quan tư pháp này.

Trong giai đoạn chuyển đổi số, theo Báo cáo Tổng kết công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2016 – 2020 của Tòa án nhân dân tối cao (12/2020), hoạt động cải cách thủ tục hành chính tư pháp "*tập trung vào việc đổi mới các quy trình, thủ tục tiếp nhận, xử lý công việc và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của Tòa án*" ví dụ như: nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng có hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến; xây dựng mới 66 Trang thông tin điện tử; xây dựng hệ thống gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án bằng phương tiện điện tử,.... Trong quá trình cải cách đến nay, hệ thống tòa án đã nhận được nhiều phản hồi tích cực về hiệu quả hoạt động của Tòa án. Nhiều TAND hai cấp ở Hậu Giang (Bảo 2019), Nam Định (Tuấn 2020),… đã thành lập bộ phận hành chính tư pháp (mô hình một cửa) trong Tòa án, cùng với đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động hành chính. Việc này đã góp phần loại bỏ được những thủ tục rườm rà, tiết kiệm được thời gian và nâng cao chất lượng quản lý hồ sơ của Toà án. Ngoài ra, các Trang thông tin điện tử của hệ thống tòa án cũng thực thi theo đúng chủ trương công khai, minh bạch các hoạt động tư pháp khi chứa đựng nhiều nội dung hữu ích như: quy định pháp luật tố tụng, thông tin vụ án (bao gồm tất cả các lĩnh vực như hình sự, dân sự, …), mẫu đơn, lịch xét xử, lịch công tác, quy trình xét xử,…. Không chỉ thế, một trong những hoạt động có ý nghĩa trong quá trình minh bạch hóa hoạt động của Tòa án là việc công khai bản án trên trang Thông tin điện tử của hệ thống tòa án (*http://congbobanan.toaan.gov.vn/*). Trang điện tử này còn thiết lập cơ chế cho phép nhận phản hồi từ người xem để lựa chọn các bản án thích hợp để làm án lệ, xây dựng dần một hệ thống án lệ, thúc đẩy việc áp dụng pháp luật một cách thống nhất trong hoạt động xét xử. Đây là một trong những bước không chỉ tăng thêm niềm tin của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp vào công lý nơi tòa án, mà còn mở rộng tuyên truyền, giáo dục pháp luật hơn trong xã hội.

Một vài thành tựu kể trên là một phần kết quả đạt được sau một nỗ lực cải cách toàn diện các khâu thủ tục hành chính hỗ trợ cho hoạt động tư pháp

xét xử : trước xét xử, khi xét xử và sau xét xử. Tuy nhiên, trong toàn cảnh bức tranh này, vẫn tồn tại bất cập ở một vài thủ tục hành chính tư pháp. Cụ thể, ở khâu tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án, hệ thống tòa án đã xây dựng hình thức gửi đơn khởi kiện trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Còn ở giai đoạn xét xử, hệ thống Tòa án Việt Nam đang thúc đẩy hiện thực hóa mô hình Tòa án điện tử (electronic Court, viết tắt: e-Court) với phòng xử trực tuyến (e-Courtroom). Trong bài nghiên cứu này, thực trạng việc nộp/nhận đơn khởi kiện trên mạng và vấn đề thiết lập phòng xử án trực tuyến sẽ được nghiên cứu chi tiết hơn dưới đây.

1. HỆ THỐNG GỬI, NHẬN ĐƠN KHỞI KIỆN BẰNG PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ

Nộp đơn khởi kiện là bước đầu tiên để người dân, doanh nghiệp tiếp cận công lý. Tuy nhiên, theo nghiên cứu (Ban Nội chính trung ương 2017, trang 8-9), trong thực tế, vẫn có trường hợp đơn khởi kiện được nộp nhưng không được cấp giấy xác nhận Tòa án đã nhận đơn; hoặc trường hợp người tiếp nhận đơn không giải thích hoặc giải thích không rõ ràng về những vấn đề liên quan đến nội dung đơn dẫn đến người nộp đơn phải đi lại nhiều lần… Nghiêm trọng hơn là tình trạng người tiếp nhận đơn cố ý kéo dài thời gian xem xét, thậm chí đe dọa, ép buộc người khởi kiện phải đưa hối lộ để đơn được tiếp nhận, vụ án được thụ lý. Ngoài ra, cũng có nơi Tòa án chỉ tiếp nhận đơn khởi kiện vào một ngày nhất định, điều này dẫn đến việc không đảm bảo được các quyền và lợi ích của người dân và doanh nghiệp (Dung 2017). Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân, cũng như cải thiện hệ thống tố tụng công khai, minh bạch hơn, Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) 2015 (Điều 190) và Luật Tố tụng hành chính (LTTHC) 2015 (Điều 119) đã có những quy định cơ bản cho phép tiếp nhận đơn khởi kiện, chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử. Năm 2016, Hội đồng Thẩm phán của TANDTC cũng đã ban hành Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số hướng dẫn về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử, giữa người khởi kiện, đương sự, người tham gia tố tụng khác với Tòa án trong thủ tục giải quyết vụ án dân sự, vụ án hành chính.

Mặc dù đã có cơ sở pháp lý từ năm 2015, nhưng tới tận tháng 10/2018, TANDTC mới tổ chức lễ ra mắt giao diện mới cổng thông tin điện tử TANDTC, 66 trang thông tin điện tử của các TANDCC và TAND cấp tỉnh; hệ thống gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử; hệ thống đăng ký trực

tuyến cấp sao, trích lục bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án của TAND. Trên thực tế, việc tiếp nhận đơn bằng phương thức điện tử vào thời điểm trên đã được triển khai sau đó với tính chất thử nghiệm, ở quy mô hẹp tại một vài Tòa án gồm TANDCC tại Hà Nội, TAND hai cấp tại Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh và thí điểm bắt đầu từ ngày 1/11/2018, theo Quyết định số 189/QĐ-TANDTC ngày 9/10/2018 của Chánh án TANDTC.

1.1. Thực trạng của hoạt động tiếp nhận đơn của Tòa án bằng phương thức điện tử

Thực tiễn cho thấy, tới tháng 7/2020, chưa có bất kỳ một đơn khởi kiện hoặc yêu cầu nhận văn bản tống đạt bằng phương tiện điện tử của cá nhân, cơ quan, tổ chức gửi tới các TAND thực hiện thí điểm được liệt kê trước đó (Hà 2020, 3). Theo một báo cáo (Quang, 2020, trang 26-27), website của TAND Tp. Hồ Chí Minh có phần tiếp nhận đơn khởi kiện trực tuyến nhưng trên thực tế, hệ thống này không hoạt động tại thời điểm báo cáo trên được hoàn thành (07/2020). Như vậy, xét ở mặt hiệu quả của dịch vụ tiếp nhận đơn của Tòa án trên trang thông tin điện tử, thì các trang thông tin này mới chỉ đáp ứng phần nào yêu cầu của dịch vụ công trực tuyến mức độ 1. Nói một cách khái quát, có 04 mức độ đánh giá một dịch vụ được cung cấp trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước (theo Điều 3, Khoản 4 của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13/6/2011). Một dịch vụ công ở mức độ 4, là dịch vụ cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ; các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng; và thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Ngược lại, ở mức độ 1, dịch vụ đó chỉ mới dừng lại ở việc bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

Bên cạnh đó, hiện nay chỉ có các Tòa án cấp tỉnh mới thiết lập trang web, còn ở nhiều đơn vị cấp huyện lại chưa thành lập cổng thông tin điện tử riêng. Hệ quả là khả năng nộp đơn khởi kiện trên mạng chỉ khả thi ở một số Tòa án cấp tỉnh, trong khi lượng án kiện dân sự sơ thẩm ở Tòa án cấp huyện lại chiếm đại đa số. Như vậy, thực tiễn cơ sở hạ tầng thông tin tại các Toà án vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của BLTTDS 2015.

Về quy trình các bước nộp đơn khởi kiện thông thường (nộp trực tiếp, qua con đường bưu chính hay ủy quyền), các trang thông tin điện tử đều đã

có những hướng dẫn chi tiết rõ ràng. Còn các quy định về tiếp nhận đơn khởi kiện bằng phương thức trực tuyến, TANDTC đã có hướng dẫn khá đầy đủ từ việc đăng ký tài khoản cho tới bước nộp đơn kiện hay đăng ký nhận văn bản tống đạt từ Tòa án. Một trong những điểm thuận lợi của phương thức nộp đơn trên trang điện tử của Tòa án là việc thực hiện các giao dịch điện tử có thể diễn ra 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết. Hơn nữa, người khởi kiện, người tham gia tố tụng sau đó sẽ nhận được thông báo xác nhận giao dịch điện tử thành công đến địa chỉ thư điện tử mà mình đã đăng ký trên trang thông tin điện tử của Tòa án (Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, Điều 8, khoản 1).

Tuy nhiên, trong phần hướng dẫn về Thủ tục đăng ký tài khoản trên Trang điện tử, cũng như trong các văn bản pháp lý liên quan, vẫn chưa có hướng dẫn về thời hạn Tòa án sẽ tiếp nhận và xử lý đơn đăng ký. Bên cạnh đó, các hướng dẫn về Thủ tục nộp đơn khởi đòi hỏi người nộp đơn phải có hiểu biết nhất định về pháp luật tố tụng: như xác định đương sự khác, phân biệt giữa nguyên đơn và người được ủy quyền…. Ở phần Cập nhật tài liệu chứng cứ, kích thước tài liệu tối đa có thể đăng tải lên chỉ là 2MB, giới hạn này có thể gây hạn chế cho người nộp đơn khởi kiện khi nhiều tài liệu, chứng cứ quan trọng có dung lượng lớn hơn so với hạn mức đưa ra (Quang, 2020, trang 27).

Ngoài những hạn chế đề cập ở trên, một trong những lý do khiến việc nộp đơn khởi kiện trực tuyến ít được ứng dụng là do yêu cầu về chữ ký số dành cho người khởi kiện hay người tham gia tố tụng.

1.2. Bất cập về điều kiện liên quan đến chữ ký số/ chứng thư số

Theo Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, (Điều 5, Điều 16) để thực hiện việc nộp đơn khởi kiện bằng phương thức trực tuyến, người nộp đơn về cơ bản phải đáp ứng được các điều kiện sau:

"*- Có địa chỉ thư điện tử để gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử đến và đi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án;*

- Có chữ ký điện tử được chứng thực bằng chứng thư điện tử đang còn hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, công nhận;

- *Đã đăng ký tài khoản giao dịch điện tử thành công theo Thủ tục đăng ký gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án*" (Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, Điều 12)

Vậy chữ ký số là gì? Chữ ký số (*Digital Signatures*) đã được quy định trong Luật giao dịch điện tử 2005, và được định nghĩa cụ thể trong Điều 3, khoản 6, Nghị định 130/2018/NĐ-CP của Chính phủ: là "một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng". Nó có vai trò tương đương với chữ ký tay của cá nhân hoặc với con dấu của một tổ chức, doanh nghiệp, được thừa nhận về mặt pháp lý trong các văn bản pháp luật từ năm 2005, và dùng để xác nhận lời cam kết của tổ chức, cá nhân đó trong văn bản mình đã ký trên môi trường internet.

Một khái niệm gần với chữ ký số mà ta cần phân biệt, tránh nhầm lẫn, là chứng thư số (*Digital certificate*). Đó là "một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp nhằm cung cấp thông tin định danh cho khóa công khai của một cơ quan, tổ chức, cá nhân, từ đó xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân là người ký chữ ký số bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng" (Nghị định 130/2018/NĐ-CP, Điều 3, khoản 7). Đây được coi như là chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu của một cá nhân hoặc doanh nghiệp. Đây là cơ sở để đối tác có thể xác nhận danh tính của người ký cũng như việc ký số có chính xác hay không. Hiểu theo cách khác, chứng thư số là một công cụ để xác minh tính hợp lệ, hợp pháp đích danh của chữ ký số cá nhân hoặc doanh nghiệp.

Vậy mối quan hệ giữa chữ ký số và chứng thư số là gì? Phía nhà cung cấp sẽ cấp chứng thư số cho đơn vị kinh doanh trước rồi mới cấp chữ ký số sau. Chữ ký số là một loại chữ ký điện tử nhằm khẳng định danh tính và tính toàn vẹn cho nội dung thông điệp của người ký thì chứng thư số sẽ giúp hỗ trợ bên nhận xác minh tính đúng đắn của chữ ký số và tính toàn vẹn của thông điệp mình nhận. Thêm nữa, chữ ký số chỉ được coi là chữ ký điện tử đảm bảo an toàn nếu nó được tạo lập trong khoảng thời gian hiệu lực của chứng thư số, đồng thời có thể kiểm tra được bằng khóa công khai chứa trong chứng thư số (Nghị định 130/2018/NĐ-CP, Điều 9).

Theo thống kê của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (NEAC - National electronic authentication Centre), tính đến năm 2020, Việt Nam có hơn 1,4 triệu chứng thư số công cộng,.

Nguồn : NEAC

Cũng theo NEAC, đến hết tháng 03/2019, tổng số chứng thư số đang hoạt động vào khoảng 1.155.060, trong đó tỉ lệ phân chia theo cá nhân và tổ chức, doanh nghiệp như hình sau:

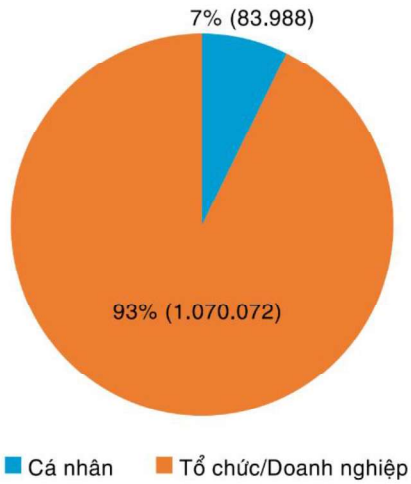

Nguồn: NEAC

Hình. Tỉ lệ chứng thư số phân theo đối tượng tính đến 31/3/2019

Như vậy, thị trường Chứng thư số chủ yếu có đối tượng là các tổ chức, doanh nghiệp, được sử dụng chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực thuế điện tử, hải quan điện tử và bảo hiểm điện tử, do doanh nghiệp là những đối tượng thường xuyên phải thực hiện các thủ tục hành chính cần đến chữ ký số (như thủ tục về thuế, thủ tục xuất nhập khẩu), và thường hay gặp phải tranh chấp trong quá trình hoạt động kinh doanh. Vậy nên, khi cần giải quyết mâu thuẫn qua Tòa án, doanh nghiệp sẽ thuận lợi hơn nhiều so cái công dân trong vấn đề nộp đơn khởi kiện trực tuyến, vì họ đã nắm giữ chữ ký số - đáp ứng một trong các quy định của Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP nêu trên.

Còn chứng thư số cho cá nhân chưa được phát triển, do yêu cầu về chữ ký điện tử, một dịch vụ còn xa lạ đối với cá nhân công dân. Cá nhân hiện tại, không có nhu cầu cũng như không có yêu cầu pháp lý bắt buộc nào phải sử dụng chữ ký số để hoàn thành các thủ tục hành chính. Hơn nữa, mỗi một cá nhân không phải ai cũng đều có tranh chấp cần Tòa án xét xử, không như doanh nghiệp thường xuyên cần giải quyết các tranh chấp thương mại giữa doanh nghiệp với nhau, hay giữa doanh nghiệp với khách hàng.

Bên cạnh đó, thủ tục và chi phí để có chữ ký điện tử hiện nay chỉ phù hợp với các doanh nghiệp - là những đối tượng thường xuyên phải thực hiện các thủ tục hành chính. Ví dụ về bảng giá do một tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cung cấp - Bảng giá do Công ty Cổ phần Chữ ký số Vi Na cung cấp, có giá trị từ ngày 01/01/2021:

Bảng giá chữ ký số Vi Na dành cho tổ chức

Tên gói dịch vụ	Giá đăng ký mới (đã bao gồm Token)		
Thời gian sử dụng	*12 Tháng*	*24 Tháng*	*36 Tháng*
Giá Chứng thư số	1.661.818	2.493.636	2.825.455
VAT (10%)	166.182	249.364	282.545
Giá thanh toán (Đã VAT)	*1.828.000*	*2.743.000*	*3.108.000*

Tên gói dịch vụ	Bảng giá gia hạn		
Thời gian sử dụng	*12 Tháng*	*24 Tháng*	*36 Tháng*
Giá Chứng thư số	1.207.273	2.039.091	2.370.909
VAT (10%)	120.727	203.909	237.091
Giá thanh toán (Đã VAT)	*1.328.000*	*2.243.000*	*2.608.000*

Bảng giá chữ ký số Vi Na dành cho cá nhân

Tên gói dịch vụ	Đăng ký mới cá nhân (bao gồm Token)		
Thời gian sử dụng	*12 Tháng*	*24 Tháng*	*36 Tháng*
Giá Chứng thư số	818.182	1.000.000	1.136.364
VAT (10%)	81.818	100.000	113.636
Giá thanh toán (Đã VAT)	*900.000*	*1.100.000*	*1.250.000*

Tên gói dịch vụ	Gia hạn cá nhân		
Thời gian sử dụng	*12 Tháng*	*24 Tháng*	*36 Tháng*
Giá Chứng thư số	409.091	590.909	727.273
VAT (10%)	40.909	59.091	72.727
Giá thanh toán (Đã VAT)	*450.000*	*650.000*	*800.000*

Đối với cá nhân, nhất là người có thu nhập thấp và nơi cư trú khá xa trụ sở Tòa án, có nhu cầu nộp đơn kiện qua mạng thì chi phí để tạo một chữ ký điện tử sẽ không khác gì là một cục đá ngáng đường, khi người dân phải cân đo đong đếm "chi phí" tìm đến công lý.

Một trong những nguyên nhân khác cũng có thể là do chưa có ứng dụng sử dụng chữ ký số cho cá nhân, cá nhân chưa có thể sử dụng trên các thiết bị di động. Hiện nay, mỗi tài khoản sử dụng chữ ký số đều có một cặp khóa bao gồm: Khóa Công khai và Khóa Bảo mật. Thiết bị thể hiện Chữ ký số chính là USB Token – là thiết bị phần cứng (USB) dùng để tạo ra cặp khóa công khai và bí mật cũng như lưu trữ thông tin của khách hàng. Việc bảo quản thiết bị USB này cũng là một trong những lo lắng của người dùng, khi kích thước nhỏ gọn của USB khiến nó dễ bị thất lạc hoặc bị đánh cắp và lạm dụng trước khi chủ sở hữu phát hiện kịp thời.

Không chỉ xuất hiện các bất cập ở khâu nộp/ nhận đơn khởi kiện trên mạng, mà nhiều vấn đề còn nảy sinh ở việc thiết lập phòng xử án trực tuyến.

2. XÂY DỰNG PHÒNG XÉT XỬ TRỰC TUYẾN (E-COURTROOM)

Hiện nay, trên thế giới đã có nhiều nước như Mỹ, Australia, Canada, Singapore, … mà luật pháp cho phép các bên giải quyết vụ việc tranh chấp thông qua việc thực hiện thủ tục khởi kiện, tố tụng xét xử qua mạng internet. Nhiều Tòa án của một số nước này đã xây dựng nhiều phòng xét xử mới để ứng dụng những tiến bộ của CNTT, với những cái tên như tòa án

trực tuyến, tòa án điện tử…(e-Court, virtual Court, remote court, online Court…).

Phòng xét xử trực tuyến (*e-courtroom*) của Tòa án điện tử (e-Court) thường được hiểu là "phòng xử án có hình thức bố trí theo quy định của luật tố tụng và được trang bị thêm thiết bị ghi âm, ghi hình, màn hình ti vi, máy tính, mạng internet, mạng truyền hình trực tuyến và các trang thiết bị khác phục vụ cho hoạt động phiên tòa, phiên họp" (Anh, 2020). Ở Úc, e-courtroom là một phòng xử án ảo được sử dụng trong việc quản lý và xem xét một số vấn đề trước khi đưa ra xét xử trước Tòa án Liên bang Úc hoặc Tòa Sơ Thẩm Liên bang Úc (about eCourtroom: *https://www.fedcourt.gov.au/online-services/ecourtroom*). Thông qua phòng xử ảo này, các bên của một vụ kiện tham gia vào một cuộc tranh luận trực tuyến về các vấn đề của vụ kiện, như một hội nghị video được thiết lập bởi Skype, mà không cần các chủ thể phải có mặt tập trung tại phòng xử án thông thường.

Trong khi đối với hình thức xét xử truyền thống, người tham gia tố tụng đôi khi phải di chuyển một quãng đường xa để đến trụ sở xét xử, hoặc cũng có thể gặp trường hợp phương tiện giao thông chưa thuận tiện và người tham gia chưa quen đường đi, bị lạc đường dẫn đến trễ giờ xét xử. Trường hợp khác là khi phiên tòa có nhiều người tham gia tố tụng, một số Tòa án địa phương bị hạn chế về cơ sở vật chất không thể tổ chức trong phòng xử án mà phải tổ chức ngoài trời, do không gian phòng xử án chật hẹp… Đối với người tiến hành tố tụng (Thẩm phán, thư ký tòa,…), ví dụ như khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh xét xử lưu động những vụ án ở địa phương nằm cách xa trụ sở, việc phải di chuyển xa, mà chỗ ăn chỗ ngủ đôi khi không đảm bảo sức khỏe cho người tiến hành tố tụng, và những công tác tổ chức hỗ trợ thường tốn kém rất nhiều chi phí của đơn vị xét xử.

Mô hình *e-courtroom*, một khi thành công, sẽ giảm đi đáng kể khả năng phải hoãn phiên xử do một bên không thể có mặt tại phòng xét xử, cũng như chi phí cho đương sự khi họ vẫn được tham gia phiên tòa mà không phải mất thời gian di chuyển. Đồng thời, cơ quan Tòa án cũng tiết kiệm được khoản chi phí tiếp đón đương sự tại địa điểm xét xử. So sánh với những hạn chế của hình thức tòa án truyền thống nêu trên, những thủ tục dành cho tòa án trực tuyến được coi là linh hoạt hơn, thực hiện nhanh chóng nhờ áp dụng công nghệ thông tin. Ngoài ra, không chỉ là xét xử trực tuyến tại Tòa án, hòa

giải và trọng tài trực tuyến cũng được sử dụng khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới (Druckman & Koeszegi 2017, trang 55-64).

Tại Việt Nam, Chánh án TANDTC Nguyễn Hòa Bình cũng đã nhận định, cải cách tư pháp, nhất là cải cách thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động xét xử là một xu thế tất yếu, như xu thế đang diễn ra trong nhiều nước (Bình 2019), nhất là khi các tranh chấp quốc tế xuyên biên giới tại Việt Nam ngày càng gia tăng. Việc ứng dụng CNTT trong tố tụng cũng đã được ghi nhận trong Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (Điều 190, 191 và 193). Theo đó, bên cạnh các phương thức tống đạt trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính, việc gửi, nhận đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm; hay việc cấp, tống đạt thông báo văn bản tố tụng đã được bổ sung thêm bằng cách thực hiện qua phương tiện điện tử. Còn khâu xét xử tại Việt Nam, hiện đã áp dụng được phương thức xét xử trực tuyến chưa?

2.1. Thực trạng Tòa án áp dụng xét xử trực tuyến tại Việt Nam

Thời gian vừa qua, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 bùng phát (2020 - 2021), TAND Tối cao đã ra các văn bản về việc phòng chống dịch COVID-19 trong hệ thống TAND. Theo Chỉ thị 02/2020/CT-TA năm 2020, và Công văn 125/TANDTC-VP năm 2021 về tiếp tục phòng, chống dịch bệnh COVID-19, TAND Tối cao yêu cầu, về cơ bản, tạm dừng mở các phiên tòa, phiên họp giải quyết; tạm dừng việc triệu tập đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân đến tòa án đối với các vụ án, vụ việc đang còn trong thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng. Theo chỉ đạo của TANDTC, tòa án các cấp hạn chế việc tổ chức các phiên tòa, phiên họp tập trung trên 20 người trong một phòng, yêu cầu thực hiện giữ khoảng cách trên 2m giữa người với người trong phòng xét xử, nơi làm việc và chỉ những người tiến hành tố tụng được thông báo và người tham gia tố được triệu tập mới được tham dự phiên tòa, phiên họp. Đặc biệt, TANDTC, qua Chỉ thị số 02/2020/CT-TA về phòng chống dịch trong hệ thống TAND, nhấn mạnh việc tăng cường xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc bằng phương thức trực tuyến "khi có đủ điều kiện". Như vậy, nhằm thực hiện việc giãn cách xã hội, việc bố trí xét xử trực tuyến thay cho xét xử trực tiếp là điều rất cấp thiết để hạn chế việc lây lan dịch bệnh, đồng thời vẫn đảm bảo được hoạt động xét xử của Tòa án không bị chậm trễ, ảnh hưởng tới quyền lợi của các bên đương sự. Đây cũng là hướng đi phù hợp với mô hình "Tòa án điện tử" theo Nghị quyết số 52-NQ-TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tuy nhiên, cho đến hiện nay, chỉ có một vụ án hình sự được xét xử dưới hình thức trực tuyến (Chinhphu.vn 2020). Đó là phiên tòa sơ thẩm ngày 10/04/2020, do Tòa án nhân dân huyện xét xử vụ án "Chống người thi hành công vụ" đối với bị cáo Đào Xuân Anh Doanh (tên thường gọi Đào Xuân Anh, sinh năm 1990, trú tại thôn Phương Nam, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên). Vụ án này được đưa ra xét xử lưu động và truyền hình trực tuyến đến 13 điểm cầu tại các xã, thị trấn của huyện Tiên Yên. Ngược lại, trong lĩnh vực dân sự đến hiện nay (tháng 05/2021) thì chưa ghi nhận một vụ án nào được xét xử dưới mô hình truyền hình trực tuyến này.

Vụ án kể trên cần được hiểu trong bối cảnh như sau: các thành phần tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng cần thiết đều xuất hiện ở một hội trường rộng rãi thông thoáng, đáp ứng tiêu chí về việc giãn cách mỗi người với nhau tối thiểu 2m, và quá trình vụ xét xử được truyền hình trực tuyến tới người dân. Trong khi đó, mục đích của việc "xét xử trực tuyến" là để các chủ thể của quan hệ tố tụng không cần phải có mặt tập trung tại phòng xử án như trong tố tụng truyền thống. Trường hợp đề cập trên chỉ mới thực hiện việc thông tin một vụ án cụ thể một cách trực tiếp tức thời tới người dân, chứ chưa đạt được mục tiêu cuối kể trên của một Tòa án điện tử (e-Court).

Mô hình e-Court, chẳng hạn đối với xét xử các vụ án hình sự như trên, có thể hiện thực hóa với việc xây dựng trong trại giam một phòng được bố trí giống phòng xét xử tại Tòa án và cũng được trang bị đầy đủ các phương tiện điện tử cần thiết đảm bảo cho phiên tòa trực tuyến diễn ra. Hay trong lĩnh vực dân sự, đương sự vẫn có thể tham gia phiên xét xử mà không cần có mặt tại phòng xét xử thông qua hệ thống truyền hình trực tuyến.

Hiểu một cách cụ thể hơn, người tiến hành xét xử sẽ ngồi ở phòng xét xử tại trụ sở tòa án (điểm cầu trung tâm) và người tham gia tố tụng ngồi ở phòng xét xử tại trụ sở tòa án ở địa phương (điểm cầu địa phương). Thông qua các thiết bị điện tử liên kết nhau bằng internet và hoạt động bằng một chương trình phần mềm ứng dụng, các chủ thể của quan hệ tố tụng không phải trực tiếp có mặt tập trung tại một phòng xử, mà vẫn nhìn thấy mặt, nói chuyện, tranh luận trực tiếp với nhau vào cùng một thời điểm. Hơn nữa, nếu được sự cho phép của điểm cầu trung tâm (Hội đồng xét xử), người dân quan tâm đến vụ án có thể theo dõi quá trình xét xử vụ án mà không bị giới hạn số lượng người xem bởi không gian của phòng xử án truyền thống.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy trong giai đoạn ảnh hưởng bởi Covid-19 vừa qua, phiên tòa trực tuyến gần như không được tiến hành một cách rộng rãi (mới chỉ một vụ án được truyền hình trực tiếp). Tại Việt Nam, việc hiện thực hóa mô hình này cũng còn gặp phải rất nhiều khó khăn về cả quy định của pháp luật lẫn thực tiễn áp dụng.

2.2. Những bất cập trong việc xét xử trực tuyến

Một trong những bất cập hiện nay rất dễ nhận thấy, đó nền tảng cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, cũ kỹ. Trong khi đó, xu hướng Tòa án thông minh đã khá phổ biến ở khá nhiều quốc gia như Úc đã xây dựng không gian xét xử ảo để các bên tranh luận trước khi vụ việc chính thức được đưa ra xét xử (Wallace 2008, trang 204-228), hay Trung Quốc mà e-court chủ yếu để xét xử các vụ án thương mại điện tử hoặc vụ án liên quan đến Internet (Yu & Xia, 2020), hoặc Hàn Quốc với một hệ thống nộp đơn và hồ sơ khởi kiện điện tử phức hợp hiệu quả (Vilquin and Bosio, 2014), …

Năm 2017, hệ thống Tòa án nhân dân được nhận xét là vẫn còn 35 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện chưa có trụ sở, và phải đi thuê, sử dụng nhà tạm hoặc mượn trụ sở do địa phương bố trí làm địa điểm làm việc. Nhiều trụ sở có quy mô và diện tích nhỏ, chỉ có một phòng xử án, không đảm bảo nhu cầu về diện tích làm việc, công năng sử dụng theo mô hình phòng xét xử mới, trong đó có phòng xét xử thân thiện, thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên, ... (Hương, 2017)

Vài năm gần đây, tình trạng này vẫn tồn tại. Trang thiết bị và môi trường làm việc để tiến hành các hoạt động hành chính tư pháp tại Tòa án các cấp chưa hiện đại, khoa học. Ở một số nơi, một số cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác tư pháp còn thiếu như: nhà công vụ, xe ô tô, công cụ hỗ trợ…. Trang thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ cho công tác điều tra, kiểm sát, xét xử chưa được trang bị đầy đủ, đồng bộ còn thiếu thốn, lạc hậu. Trụ sở tòa án một số địa phương (ví dụ như Đông Triều, Hoành Bồ, Hải Hà, Đầm Hà ở tỉnh Quảng Ninh) đã xuống cấp, phòng xử án chưa đủ diện tích bố trí theo mô hình mới. Bên cạnh đó, chế độ chính sách đãi ngộ, đặc biệt lin quan đến hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh và các địa phương còn khó khăn về kinh phí (Bình, 2019). Mặc dù hiện nay, TANDTC đã cho trang bị hệ thống trực tuyến phục vụ cho các cuộc họp trực tuyến (theo Công văn 501/TANDTC-TCCB Về việc tổ chức Hội nghị trực tuyến tập huấn nghiệp vụ tháng 7/2019; Công văn số 558/TANDTC-

TCCB về việc tổ chức tập huấn trực tuyến tháng 8/2020), tuy nhiên, thực tế trên cho thấy rất khó cho các đơn vị Tòa án tự mình triển khai sử dụng hệ thống này vào xét xử trực tuyến, vì đại đa số vẫn chưa thể đảm bảo tự thiết lập, vận hành cơ sở hạ tầng và bảo đảm kết nối ổn định.

Ngoài những khó khăn về nền tảng cơ sở hạ tầng, ở Việt Nam, các quy định của Luật tố tụng Hình sự, Dân sự và Hành chính vẫn chưa có đề cập một cách hoàn chỉnh, hay hướng dẫn cách thức tổ chức xét xử trực tuyến. Mặc dù TANDTC đã bắt đầu khuyến khích và tạo cơ chế cho phương thức xét xử trực tuyến, nhưng thực tế cho thấy việc triển khai thực hiện xét xử theo phương thức này vẫn còn khó khăn do thiếu khung pháp lý và hướng dẫn chi tiết. Một trong những bất cập pháp lý hiện thời liên quan tới những nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự. Một trong các nguyên tắc đó là nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói, theo đó việc xét xử phải bằng lời nói và được tiến hành tại phòng xử án (BLTTDS 2015, Điều 225; LTTHC Điều 152 và BLTTHS 2015 Điều 250). Quy định này hiện giờ lại đã gây không ít khó khăn cho việc triển khai hình thức xét xử trực tuyến, khi các chủ thể tham gia hay tiến hành tố tụng sẽ không trực tiếp tới phòng xử truyền thống mà gặp nhau trong Tòa án ảo của không gian mạng. Bên cạnh đó, bị cáo hay đương sự phải "có mặt" theo giấy triệu tập của Tòa án (BLTTHS điểm a khoản 3 Điều 61; BLTTDS 2015 khoản 16 Điều 70; LTTHC 2015 khoản 16 Điều 55). "Có mặt" được hiểu là bị cáo, đương sự hoặc người được ủy quyền hợp pháp của đương sự phải hiện diện trực tiếp tại địa điểm xét xử hoặc trụ sở Tòa án. Thêm vào đó là yêu cầu của Luật tố tụng về việc lập biên bản. Ví dụ như theo Điều 98 BLTTDS 2015, thẩm phán lấy lời khai của đương sự tại trụ sở Tòa án; trong trường hợp cần thiết có thể tiến hành lấy lời khai ngoài trụ sở Tòa án. Biên bản lấy lời khai của đương sự phải được người tự khai đọc lại hay nghe đọc lại và ký tên hoặc điểm chỉ… Hoặc theo khoản 4 Điều 211 BLTTDS 2015, thì yêu cầu Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải sau khi kết thúc, phải có đầy đủ chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tham gia phiên họp. Do đó, Tòa án phải tổ chức cho các bên tham gia trực tiếp, mà nếu các phiên họp được tiến hành theo hình thức trực tuyến thì các Biên bản này lại không đáp ứng được các yêu cầu của tố tụng.

Như vậy, các quy định tố tụng hiện hành đã trở nên không còn đủ để đáp ứng các nhu cầu của bối cảnh hiện tại đối với các hoạt động xét xử. Song song với vấn đề này, việc xét xử trực tuyến cũng đòi hỏi khả năng sử

dụng công nghệ thông tin của cán bộ tòa án, chuyên viên trong hệ thống tòa,…

3. MỘT VÀI ĐỀ XUẤT ĐỂ HOÀN THIỆN CẢI CÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

3.1. Đề xuất cải thiện các vấn đề trong khâu nộp đơn khởi kiện bằng phương tiện điện tử

Thứ nhất, để phương thức nộp đơn kiện trên mạng được phổ biến hơn, vấn đề liên quan đến chữ ký số cần được giải quyết. Chi phí để sử dụng cũng như nhằm gia hạn theo từng năm cần được xác định ở mức phù hợp hơn với cá nhân công dân, chứ không chỉ đối với các tổ chức, doanh nghiệp. Không chỉ giảm thiểu chi phí, hệ thống Tòa án có thể hướng tới một cơ chế dịch vụ công miễn phí, như thay vì yêu cầu chữ ký số để định danh thì có thể kết hợp số căn cước công dân và công nghệ sinh trắc học (nhận diện khuôn mặt – *facial recognition*) nhằm vẫn đảm bảo tính bảo mật cao trong việc đăng ký tài khoản trên website của tòa án. Việc sử dụng công nghệ sinh trắc học trong vài lĩnh vực khác đã nhận được không ít thành công, chẳng hạn như trong lĩnh vực giao dịch tài chính ngân hàng. Theo các ngân hàng, đây là phương thức không chỉ có ý nghĩa tiện lợi, đơn giản, nhanh chóng, mà còn giúp phòng chống gian lận hiệu quả hơn và mang tới cho khách hàng trải nghiệm mới. Ví dụ, đối với hình thức định danh bằng mống mắt có Woori Bank (Hàn Quốc); định danh bằng khuôn mặt có Wells Fargo, MasterCard; định danh bằng giọng nói có Citibank, Wells Fargo. Việt Nam vào năm 2020 đã có VPBank (2020), HDBank (Thi, 2020) sử dụng công nghệ sinh trắc học toàn diện (*Biometrics*) với các tính năng như nhận diện khuôn mặt, hình ảnh, … và nhận biết các dấu hiệu giả mạo giấy tờ tuỳ thân. Công nghệ này cho thấy sự tiện ích khi giảm thiểu các thủ tục liên quan tới định danh, giúp khách hàng giao dịch tiện lợi, hạn chế tối đa rủi ro phát sinh liên quan đến giả mạo chữ ký, mất mát hồ sơ giấy tờ hay lợi dụng hoặc đánh cắp thông tin cá nhân. Như vậy, tại sao Việt Nam không thể ứng dụng công nghệ sinh trắc học (*facial recognition*) vào các thủ tục trong tòa án, nhất là khi mô hình Tòa án điện tử đang được hướng tới?

Hiện tại, hệ thống xác thực sinh trắc học đang được tiến hành được tích hợp vào hệ thống định danh và xác thực công dân quốc gia thông qua Căn cước công dân điện tử (Bộ công an, 2021). Trong Căn cước công dân mới có xác thực sinh trắc học dùng để xác thực giao dịch với mức độ an toàn rất cao, công dân sẽ thấy đảm bảo hơn khi thực hiện các giao dịch

ngân hàng tài chính, bất động sản, viễn thông hay các loại giao dịch quan trọng khác. Như vậy, việc sử dụng công nghệ sinh trắc học có thể được vận dụng ở bước nộp đơn khởi kiện, chứng cứ thông qua không gian ảo và chỉ có người nộp đơn, tài liệu mới có thể truy cập tài khoản để điều chỉnh, thay đổi nội dung đơn kiện và chứng cứ.

Bên cạnh đó, ở Việt Nam, khoảng 64% tài khoản của hơn 154 triệu thuê bao di động là có kết nối mạng 3G, 4G và 5G, theo Hootsuite & Wearesocial (2021). Điều này cho thấy số lượng người sử dụng các thiết bị thông minh đang ngày càng gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai công nghệ sinh trắc học trong các thủ tục tố tụng tại Tòa án. Hơn nữa, hầu như các dòng điện thoại thông minh trung cấp trở lên đều tích hợp công nghệ nhận diện sinh trắc học như xác thực bằng vân tay, giọng nói và khuôn mặt. Việc xây dựng các phần mềm ứng dụng dành cho di động cũng sẽ dễ dàng hơn cho người dân tìm hiểu, tiếp cận với phương thức khởi kiện mới khi ngày nay càng nhiều người sử dụng điện thoại thông mình với thuê bao dùng dịch vụ dữ liệu.

Những năm gần đây, nhiều quốc gia như Úc, Canada, Đan Mạch, Anh (Châu Âu), Thái Lan (Châu Á), Algeria, Zambia (Châu Phi) đã và đang xây dựng hệ thống định danh và xác thực công dân được số hóa. Đồng thời, chính phủ các quốc gia này còn khuyến khích xây dựng mạng lưới định danh điện tử liên kết với nhiều thành phần khác nhau của nền kinh tế, bao gồm các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, các dịch vụ công ích.... (Phủ và Long, 2019, trang 26-30, 47). Nếu Việt Nam có thể xây dựng một hệ thống xác thực sinh trắc học kết nối được với các thành phần lĩnh vực khác nhau của xã hội (đất đai, ngân hàng, thương mại, đầu tư, y tế,…) thì công tác xác định tính danh, xác thực tài liệu, chứng cứ,… từ sau giai đoạn nộp đơn khởi điện của công dân sẽ trở nên nhanh chóng và dễ dàng hơn nhiều đối với Tòa án. Để làm được điều này, hệ thống tòa án có thể lấy lại kinh nghiệm từ phía các ngân hàng – nơi đã đi đầu phát triển công nghệ xác thực sinh trắc học trong các giao dịch cần độ bảo mật an toàn cao.

Thứ hai, trang thông tin điện tử cần tích hợp những thông tin hướng dẫn chi tiết rõ ràng hơn, ví dụ như thời hạn Tòa án sẽ tiếp nhận và xử lý đơn đăng ký. Người dân lần đầu tham gia tố tụng cũng cần nhận được các hướng dẫn cụ thể về pháp luật tố tụng song song trong các bước tiến hành thủ tục nộp đơn khởi kiện: như khái niệm nguyên đơn, bị đơn khác với người có quyền, nghĩa vụ liên quan ở chỗ nào, người được ủy quyền là ai,…. Ngôn ngữ hướng dẫn cần dễ hiểu, một nghĩa và trong sáng, để ngay

cả một người do hoàn cảnh khó khăn ít học cũng có thể hiểu, làm theo đúng hướng dẫn. Thậm chí, trang thông tin điện tử có thể tích hợp các đoạn video ngắn nhưng chi tiết cho từng bước trong thủ tục, và cho các trường hợp khác nhau như đối với nguyên đơn, bị đơn, người được ủy quyền,… Điều này sẽ hỗ trợ giảm đi những đơn kiện điện tử nộp sai thủ tục, đảm bảo hơn quyền lợi cho chính công dân. Về phần Cập nhật tài liệu chứng cứ, cần điều chỉnh thay đổi kích thước tài liệu chứng cứ tối đa. Các chứng cứ tài liệu có nội dung quan trọng có thể có dung lượng vượt quá giới hạn hiện nay (2MB), nhất là tài liệu chứng cứ điện tử như video, âm thanh, tài liệu scan,… Một hình ảnh chụp Full HD có thể lên tới hơn 30 MB, như vậy giới hạn mỗi tài liệu gửi lên cần được nâng lên 50MB đối với hình ảnh, tài liệu word, pdf, còn với định dạng video là 100MB hoặc thậm chí gỡ bỏ giới hạn dung lượng. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là trang thông tin điện tử của Tòa án liệu có thể nhận một số lượng lớn các tài liệu chứng cứ với kích thước tối đa không. Một lo ngại khác cũng cần được lưu ý là những tình huống "nghẽn mạng" dẫn tới trường hợp đương sự không thể truy cập được để thực hiện thao tác gửi đơn và dữ liệu điện tử. Database (cơ sở dữ liệu) của Tòa án như vậy sẽ yêu cầu một hệ thống máy chủ với dung lượng lớn và đường truyền nhanh, ổn định, không chỉ đáp ứng đòi hỏi lưu trữ tài liệu của nội bộ cơ quan Tòa án về mặt lâu dài, mà còn để tiếp nhận đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ điện tử. Việc xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu khổng lồ đủ để đáp ứng nhu cầu lưu trữ tài liệu về mặt lâu dài này của các Tòa án có thể thực thi dựa trên kinh nghiệm xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư trước đó (*https://data.gov.vn/*) – một đề án có tính quyết định trong xây dựng Chính phủ điện tử tại Việt Nam, và hệ thống này đã bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2021 (Dũng, 2021). Thậm chí, sau này hệ thống tòa án có thể thiết lập thêm sự liên thông giữa hai cơ sở dữ liệu để đơn giản hóa quá trình định danh, hay xác thực các thông tin khác liên quan đến các bên tham gia tố tụng.

Thứ ba, phương thức nộp đơn kiện trên mạng cần được triển khai không chỉ tại các TAND cấp tỉnh mà còn cần được xây dựng tại các TAND huyện thông qua trang thông tin điện tử riêng, như các toà án tại Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Bởi lẽ, đây là các Tòa án cấp xét xử sơ thẩm nên đây là nơi đầu tiên chủ yếu tập trung các đơn kiện của cá nhân công dân, hay các tổ chức, doanh nghiệp. Trong khi đó, Tòa án cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm vài vụ việc nhất định (BLTTDS 2015, Điều 37), và xét xử phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, số lượng nộp đơn

khởi kiện ở tòa cấp tỉnh sẽ không nhiều bằng ở Tòa cấp quận, huyện. Vì thế, hệ thống Tòa án cấp quận huyện mới là nơi cần nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin phù hợp, đáp ứng nền tảng công nghệ cần thiết để thiết lập hệ thống nộp đơn khởi kiện trên mạng đồng bộ trên cả nước. Và việc thiết lập một Cơ sở dữ liệu chung cho hệ thống Tòa án trên cả nước sẽ giải quyết cho vấn đề nói trên. Song song với cơ sở dữ liệu điện tử, các giao diện của Trang thông tin điện tử của các Tòa án cũng cần được xây dựng trên nguyên tắc đồng bộ với nhau, để đảm bảo người dân không bị bối rối khi thay đổi nơi cư trú và nộp đơn khởi kiện cho Tòa án ở nơi ở mới thông qua Trang thông tin điện tử của Tòa án đó. Đây cũng là một hình thức đáp ứng chủ trương đơn giản hóa các thủ tục hành chính tư pháp hiện nay của công cuộc cái cách tư pháp (Ban Cán sự Đảng TANDTC, 2005).

3.2. Đề xuất cải thiện các vấn đề liên quan đến thiết lập Tòa án điện tử

Đầu tiên, để xây dựng được mô hình Tòa án trực tuyến, hệ thống Tòa án cần đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện làm việc hiện đại, khoa học đáp ứng những đòi hỏi công nghệ nền tảng của Tòa án điện tử, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác hành chính tư pháp cho ngành Tòa án nói chung và đối với từng cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống của Ngành. Hiện nay, nhiều Tòa án ở các thành phố lớn hay những Tòa án được xây dựng gần đây đã trang bị cho Phòng xét xử hệ thống âm thanh, hình ảnh như: ampli, loa, micro, máy vi tính, màn hình hiển thị (Tivi hoặc máy chiếu), camera,…; phần mềm lưu lại được video diễn biến cả phiên tòa; cùng với kết nối Internet có tính ổn định cao và tốc độ nhanh đủ để đáp ứng nhu cầu để thiết lập hệ thống trực tuyến (Anh, 2020).

Với mô hình của Tòa án trực tuyến, hội đồng xét xử sẽ ngồi ở phòng xét xử ngay tại trụ sở tòa án (điểm cầu trung tâm). Như vậy, những yêu cầu về cơ sở vật chất phần lớn dễ được thỏa mãn. Tuy nhiên, với điểm cầu địa phương, người tham gia tố tụng có khả năng phải ngồi ở một phòng xử được cung cấp bởi chính quyền địa phương, trong trường hợp không thể tới trụ sở của tòa án địa phương, hoặc do trong giai đoạn phải cách ly xã hội bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid. Như vậy, phòng xử án – điểm cầu địa phương cũng cần phải được bố trí sao cho phù hợp với bản chất trang nghiêm trong một phiên tòa trực tiếp. Đó phải là một căn phòng độc lập, cách âm, phòng ngừa phiên tòa bị nhiễu loạn bởi những tạp âm do môi trường bên ngoài ảnh hưởng, như tiếng xe, tiếng còi, máy móc thi công,… Không gian phòng xử phải được trang bị đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất điện tử phục vụ cho phiên tòa. Đặc biệt, đường truyền internet phải nhanh

và có tính ổn định cao, tránh trường hợp bị mất kết nối thường xuyên, hình ảnh bị nhòe hoặc âm thanh bị nhỏ, chập chờn, hay chậm hơn so với hình ảnh. Những vấn đề kỹ thuật đó sẽ làm gián đoạn phiên tòa, đánh mất đi sự trang trọng, nghiêm túc cần có của quá trình tố tụng xét xử.

Tuy nhiên, việc đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất cần được thực hiện đồng bộ với các Tòa án ở các địa phương khác, cũng như tiến hành những buổi tập huấn, thử nghiệm sử dụng hệ thống xét xử trực tuyến cho cán bộ viên chức cơ quan và Tòa án địa phương. Do đây là một phương thức tiến hành xét xử mới, nên tâm lý e ngại khi thay đổi thói quen, hay bối rối khi có sự cố về kỹ thuật là trạng thái bình thường đối với người tiến hành tố tụng hay tham gia tố tụng. Vì vậy, đội ngũ cán bộ làm công tác hành chính tư pháp của các đơn vị Tòa án địa phương, cũng như làm hoạt động xét xử cần được đào tạo trình độ, năng lực lĩnh vực công nghệ thông tin để thích ứng tốt hơn khi áp dụng mô hình xét xử trực tuyến vào thực tiễn.

Bên cạnh đó, pháp luật cần được hoàn thiện để đáp ứng các yêu cầu đặt ra của cuộc CMCN 4.0 trong tố tụng tư pháp, cũng như giải quyết những thách thức mà dịch bệnh Covid 19 đặt ra trong thời buổi hiện nay. Mô hình phiên tòa xét xử trực tuyến có lẽ là giải pháp tốt nhất, khi vừa phù hợp với những đòi hỏi về giãn cách/ cách ly xã hội trong giai đoạn dịch bệnh, mà vừa còn có thể giúp Tòa án các cấp giải quyết nhanh một số lượng án tồn đọng, đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Để xây dựng được mô hình này, khái niệm "xét xử trực tiếp" cần được định nghĩa lại với phạm vi điều chỉnh không chỉ trong phòng xử truyền thống mà cả trong không gian mạng, cho phép một số thành phần tham gia tố tụng có thể tham dự phiên tòa thông qua hình thức trực tuyến mà không cần phải đến trực tiếp tại Tòa.

Ngoài ra, những nguyên tắc, quy định tố tụng cần được điều chỉnh, bổ sung mở đường cho mô hình Tòa án điện tử được vận hành một cách đồng bộ trên cả nước và vẫn bảo đảm tính trang nghiêm và hình thức theo quy định (BLTTDS Điều 223; LTTHC Điều 151; BLTTHS Điều 257; Thông tư 01/2017/TT-TANDTC quy định về phòng xử án.). Cụ thể như quy định pháp luật liên quan đến giai đoạn điểm danh sự có mặt, vắng mặt của người tham tố tụng, trong Tòa án trực tuyến, người tham gia phiên tòa theo yêu cầu của Tòa án hiển nhiên không thể xuất trình giấy triệu tập, giấy mời, các giấy tờ có liên quan khác cho Thư ký phiên tòa tại bàn thư ký được (BLTTDS Điều 234, khoản 3). Việc này, trong phiên tòa điện tử, có thể thông qua cán bộ tư pháp hỗ trợ scan lại giấy triệu tập và gửi tới email/zalo/viber của Thư ký để điểm danh. Hoặc trường hợp khác như kiểm

sát viên và những người tham gia tố tụng ngay sau khi kết thúc phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa (BLTTDS Điều 236, khoản 4), thì họ làm sao ký xác nhận theo như quy định tố tụng hiện hành? Chữ ký số có thể được vận dụng nhưng nếu người tham gia tố tụng không có chữ ký số thì lúc đó có thể sử dụng phương thức xác thực bằng dấu vân tay cùng công nghệ nhận diện gương mặt (*facial recognition*). Tóm lại, những quy định tố tụng hiện hành chỉ áp dụng cho phương thức xét xử trực tiếp cần được bổ sung, điều chỉnh, nhất là thông qua các buổi thử nghiệm mô hình Tòa án điện tử tại một số địa phương nhất định, để chuẩn bị sẵn sàng cho một hệ thống Tòa án thông minh của tương lai.

Không chỉ như vậy, một bộ quy tắc đạo đức mới cũng cần được xây dựng để ứng đối với sự thay đổi của các quan hệ tố tụng trong không gian ảo. Với sự phát triển của công nghệ sinh trắc học nói chung và Căn cước công dân điện tử nói riêng ở Việt Nam, thông tin cá nhân của công dân đang dần được số hóa. Điều này khiến cho việc dữ liệu riêng tư của người tham gia tố tụng có thể bị tiết lộ trong quá trình tố tụng, do sự bất cẩn hay cố ý của cán bộ hành chính tư pháp hoặc người lao động làm việc trong Tòa án như nhân viên vệ sinh, bảo vệ,…. Mặc dù hiện nay, trong các tổ chức công ty như ngân hàng đều có nội quy về nghĩa vụ của nhân viên bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng, nhưng thực tế cho thấy các quy định vẫn chưa đủ hiệu quả khi một nhân viên ngân hàng MB ngang nhiên làm lộ thông tin sao kê tài khoản của một nghệ sĩ nổi tiếng (Xuân, 2021). Để tránh tình huống trên tái diễn trong cơ quan xét xử, cần được thiết lập một bộ quy tắc rõ ràng, chặt chẽ về nghĩa vụ bảo vệ quyền riêng tư của người tham gia tố tụng, cùng với các chế tài mang tính răn đe hiệu quả. Tại Việt Nam, các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức của ngành tòa án đã được Tòa án nhân dân tối cao xây dựng từ năm 2008 (Quyết định 1253/2008/QĐ-TANDTC) và năm 2017 (Quyết định 120/QĐ-TANDTC), những quy định về trách nhiệm của người giữ chức danh tư pháp khi tiến hành các hoạt động tư pháp cũng đã được ban hành. Tuy nhiên, chưa có quy định nào trong các quy tắc ứng xử nói trên đề cập cụ thể về nghĩa vụ bảo mật thông tin dành cho cán bộ, công chức ngành tư pháp. Nhất là khi một trong những nhiệm vụ quan trọng của Tòa án là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, thì nghĩa vụ bảo vệ quyền riêng tư của các bên tham gia tố tụng càng cần được coi trọng, khẳng định cụ thể ngay trong chính các quy tắc ứng xử của nhân viên Tòa án. Hơn nữa, nghĩa vụ bảo mật này không thể chỉ áp dụng trong khuôn khổ nhiệm kỳ của các công chức, viên chức tư pháp, mà sự riêng tư về thông tin của các bên tham gia tố tụng cũng cần

được đảm bảo kể cả khi người tiến hành tố tụng chuyển công tác, thay đổi chức vụ,…. Vì quyền riêng tư là một quyền bất khả xâm phạm của con người, và không thể bị xâm phạm với lý do thời hạn của nghĩa vụ bảo mật đã chấm dứt. Phạm vi mở rộng của nghĩa vụ này đã được nhiều nước trên thế giới ghi nhận như Hoa Kỳ, Philippines (Supreme Court of Philippines, 2004), Nigeria (2004),…. Hoa Kỳ đã ban hành Quy tắc ứng xử dành cho Nhân viên Tư pháp (được chỉnh sửa gần đây nhất vào năm 2019), và áp dụng không chỉ với nhân viên tư pháp tại chức mà còn với cựu nhân viên: "*…A former judicial employee should observe the same restriction on disclosure of confidential information that applies to a current judicial employee, except as modified by the appointing authority*…." (Code of Conduct for Judicial Employees. Guide to Judiciary Policy, Vol. 2A, Ch. 3, D(3)). Thậm chí, bang California của Hoa Kỳ (California of United States, 1994, revised 2004), đối mặt với môi trường tư pháp ngày càng được công nghệ hóa, đã ban hành một bộ Quy tắc đạo đức dành cho nhân viên Tòa án của Bang, trong đó ở phần Hướng dẫn cho Giáo điều 12 (Tenet Twelve) chỉ rõ: *nhân viên tòa án không được cài đặt phần mềm hoặc thiết bị cá nhân [trong hệ thống thiết bị của Tòa án] mà không có sự chấp thuận trước, cũng như không được sử dụng phần mềm có bản quyền ngoài tòa án cho mục đích cá nhân (Court employees may not install personal software or equipment without prior approval, nor may they take copyrighted software outside the court for personal use)*. Quy định này góp phần tạo ra một bộ khung pháp lý cụ thể thống nhất các chuẩn mực hành vi của nhân viên trong Tòa án – những người phải thực thi nhiệm vụ của mình một cách có đạo đức để đảm bảo được lòng tin và sự tin cậy của người dân cũng như sự hiệu quả của các hoạt động trong hệ thống tòa án.

KẾT LUẬN

Cách mạng công nghệ 4.0 tạo ra những bước tiến mới, thay đổi cách giao tiếp và xử lý nghiệp vụ chuyên môn thông qua tương tác và giao tiếp điện tử. Công nghệ trở thành một yếu tố quan trọng, then chốt trong định hướng phát triển nền tư pháp tại Việt Nam dựa trên nền tảng công nghệ thông qua các thiết bị số kết nối với các phần mềm máy tính trên môi trường mạng Internet. Các thủ tục tư pháp đã và đang được định hướng để thích ứng với xu hướng mới này. Nhằm đạt được mục đích đó, các thủ tục hành chính tư pháp – thủ tục hỗ trợ cho quá trình tố tụng cũng cần được cải cách nhanh chóng bắt kịp với các thay đổi này: từ việc nộp đơn khởi kiện,

chứng cứ, triệu tập đương sự,… đến việc xét xử và nhận bản án, đều có thể thực hiện trên không gian ảo Internet.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, hiện thực cho thấy từ cơ sở vật chất, trang thiết bị đến các quy định pháp luật vẫn còn nhiều bất cập khi chỉ đáp ứng các yêu cầu của thủ tục tố tụng truyền thống, và chưa sẵn sàng như một nền tảng cho mô hình hệ thống tư pháp mới của thời đại số. Với sự thâm nhập mạnh mẽ của công nghệ số vào các quan hệ pháp luật, công cuộc cải cách tư pháp tại Việt Nam nói chung cũng như cải cách thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động của Tòa án nói riêng cần được tiến hành nhanh chóng và đồng bộ hơn.

Những thủ tục hành chính tư pháp này chính là nền tảng cơ sở để tạo lập hệ thống Tòa án thông minh, hướng tới giải quyết nhanh chóng các vụ án nhỏ, không phức tạp thông qua không gian mạng. Thậm chí, trong tương lai, thẩm phán xét xử vụ việc có thể dựa vào trí tuệ nhân tạo để phân tích vụ việc, hoặc hơn thế nữa, đối với những vụ việc nhỏ, đơn giản, trí thông minh nhân tạo AI (Artificial Intelligence) dựa trên cơ sở dữ liệu án lệ xây dựng có sẵn, có thể giúp đưa ra phán quyết cuối cùng. Song song với đó, người dân sẽ có niềm tin cao hơn vào nền tư pháp khi quá trình tố tụng được thống nhất, rõ ràng và minh bạch hơn, thể hiện được sự liêm chính của một hệ thống Tòa án công khai và hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản pháp luật:

1. Chính phủ (2007). *Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/2/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số*.
2. Chính phủ (2011). *Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước*
3. Chính phủ (2018). *Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/09/2018 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số*
4. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (2008). *Quyết định 1253/2008/QĐ-TANDTC ngày 18/09/2008 về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức ngành tòa án nhân dân*
5. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (2017). *Thông tư 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/07/2017 quy định về phòng xử án*.
6. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2016). *Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử*.
7. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2017). *Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/03/2017 về việc công bố Bản án, Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án*
8. Hội động tuyển chọn giám sát thẩm phán quốc gia (2018). *Quyết định số 87/QĐ-HĐTC ngày 04/07/2018 về ban hành Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán*
9. Quốc hội (2005). *Luật Giao dịch điện tử* số 51/2005/QH11 ban hành ngày 29/11/2005
10. Quốc hội (2015). *Bộ luật tố tụng dân sự* số 92/2015/QH13 ban hành ngày 25/11/2015
11. Quốc hội (2015). *Bộ luật tố tụng hình sự* số 101/2015/QH13 ban hành ngày 27/11/2015

12. Quốc hội (2015). *Luật tố tụng hành chính* số 93/2015/QH13 ban hành ngày 25/11/2015
13. Tòa án nhân dân tối cao (2017). *Quyết định 120/QĐ-TANDTC ngày 19/06/2017 quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân*
14. Tòa án nhân dân tối cao (2019). *Công văn số 501/TANDTC-TCCB về việc tổ chức Hội nghị trực tuyến tập huấn nghiệp vụ tháng 7/2019*
15. Tòa án nhân dân tối cao (2020). *Chỉ thị số 02/2020/CT-CA ngày 10/3/2020 về phòng, chống dich Covid-19 trong hệ thống Tòa án nhân dân*
16. Tòa án nhân dân tối cao (2020). *Công văn số 558/TANDTC-TCCB về việc tổ chức tập huấn trực tuyến tháng 8/2020*

Tài liệu khác:

1. Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao (2005). *Kế hoạch số 122/BCS ngày 26/12/2005*
2. Ban Nội chính Trung ương (2017), *Báo cáo nghiên cứu hoàn thiện thể chế pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động tư pháp nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh ở Việt Nam*
3. Bảo Bình (2019) *Bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp*. [truy cập ngày 01/05/2021] https://baoquangninh.com.vn/bao-dam-co-so-vat-chat-cho-hoat-dong-tu-phap-2424802.html
4. Bộ công an (2021). *Công an thành phố Hà Nội thông tin về công tác thu nhận hồ sơ Căn cước công dân điện tử trên địa bàn thành phố* [truy cập ngày 01/05/2021] http://bocongan.gov.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=22D48E3E00E317DB107E3706F225B1CE22F006B7C704FC8B6894F6ABCA85660A&ItemID=29830&webP=portal
5. Bộ Chính trị (2002). *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*.
6. Bộ Chính trị (2005). *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*

7. Bộ Chính trị (2005). *Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/06/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*
8. Bộ Chính trị (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*
9. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (2018). Quyết định số 189/QĐ-TANDTC ngày 9/10/2018 về việc áp dụng thí điểm phần mềm gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử
10. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (2020). *Chỉ thị 01/2020/CT-CA ngày 09/01/2021 về việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của Tòa án*
11. Chinhphu.vn (2020). *Phạt tù đối tượng không đeo khẩu trang, chống người thi hành công vụ*. [Truy cập 30/05/2021] http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=392673
12. Đ.BẢO (2019). *Cải cách tư pháp trong ngành tòa án*. [truy cập ngày 12/07/2021] http://baohaugiang.com.vn/phap-luat/cai-cach-tu-phap-trong-nganh-toa-an-76688.html
13. Hồ Hương (2017). *Cần sớm hoàn thiện trụ sở các Tòa án theo tinh thần cải cách tư pháp*. [Truy cập 30/05/2021] https://quochoi.vn/tintuc/pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=34145
14. Hoàng Tuấn (2020). *Ngành Tòa án nhân dân tỉnh đẩy mạnh cải cách tư pháp*. [truy cập ngày 12/07/2021] http://baonamdinh.vn/channel/5101/202012/nganh-toa-an-nhan-dan-tinh-day-manh-cai-cach-tu-phap-2541549/
15. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) (2007). *Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 1-8-2007 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*
16. LÊ ĐỨC ANH (2020). *Mô hình "Xét xử trực tuyến thay xét xử tập trung"*. [truy cập ngày 01/05/2021] https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/mo-hinh-xet-xu-truc-tuyen-thay-xet-xu-tap-trung
17. Liêu Cập Phủ, Trần Kim Long (2019). *Vai trò của công nghệ sinh trắc học trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh của các ngân hàng thương mại*. Thị trường Tài chính Tiền tệ 2019, số 14.

18. Lưu Thị Dung (2017), *Tòa án nhận đơn kiện vào các ngày chẵn lẻ: Có đúng quy định của pháp luật?* [truy cập ngày 01/05/2021] Báo Pháp luật Việt Nam, https://baophapluat.vn/tu-van-365/tand-nhan-don-khoi-kien-vao-cac-ngay-chan-le-co-dung-quy-dinh-cua-phap-luat-316231.html

19. Minh Thi (2020). *Áp dụng eKYC, người dùng ngân hàng số HDBank tăng 20%*. [truy cập ngày 30/05/2021] http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=405950

20. Nguyễn Bình (2019). *Mô hình Tòa án thông minh và vấn đề cải cách tư pháp*. https://congly.vn/mo-hinh-toa-an-thong-minh-va-van-de-cai-cach-tu-phap-10465.html

21. Nguyễn Hưng Quang (2020). *Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) và Tòa án nhân dân tối cao, Báo cáo Những thực tiễn tốt về thực hiện thủ tục hành chính tư pháp nhằm tăng cường tính liêm chính của Toà án*.

22. Phan Thị Thu Hà – Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC (2020). *Bình luận, góp ý về dự thảo báo cáo "Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường liêm chính của Toà án"*, Tài liệu hội thảo Tham vấn ý kiến dự thảo báo cáo "Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường liêm chính của Toà án"

23. Thanh Xuân (2021). *MB xử lý nhân viên lộ thông tin tài khoản Hoài Linh*. [Truy cập ngày 31/05/2021] https://thanhnien.vn/tai-chinh-kinh-doanh/mb-xu-ly-nhan-vien-lo-thong-tin-tai-khoan-hoai-linh-1389805.html

24. Toà án nhân dân tối cao (12/2020), *Dự thảo Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2016-2020; phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021 của các Tòa án*

25. Toà án nhân dân tối cao (2020). *Chỉ thị số 02/2020/CT-TA về phòng chống dịch trong hệ thống Tòa án nhân dân*

26. Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (NEAC) (2020). *Tình hình triển khai chữ ký điện tử, định danh và xác thực điện tử: hiện trạng và đề xuất giải pháp sửa đổi Luật giao dịch điện tử*, Tài liệu Hội thảo "Tổng kết thi hành Luật Giao dịch điện tử, Chuyên đề: Giao kết hợp đồng, chữ ký, xác thực và thanh toán điện tử"

27. Trương Hòa Bình (2013), *Một số nội dung về đổi mới thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động của Tòa án nhân dân*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 01/2013
28. Việt Dũng (2021). *Hôm nay, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia chính thức vận hành*, [truy cập ngày 10/07/2021] https://laodong.vn/xa-hoi/hom-nay-he-thong-co-so-du-lieu-quoc-gia-chinh-thuc-van-hanh-925959.ldo
29. VPBank (2020). *VPBank là ngân hàng đầu tiên triển khai eKYC – định danh khách hàng trực tuyến*. [truy cập ngày 30/05/2021] https://www.vpbank.com.vn/tin-tuc/thong-cao-bao-chi/2020/vpbank-la-ngan-dang-dau-tien-trien-khai-ekyc-dinh-danh-khach-hang-truc-tuyen
30. Bảng giá chữ ký số Công ty cổ phần Vina. Truy cập ngày 30/05/2020, https://www.smartsign.com.vn/bang-gia-chung-thu-so

Tài liệu nước ngoài:

1. California of United States (adopted 1994, revised 2009). *Code of ethics for the court employees of California*. https://www.courts.ca.gov/documents/codethic-courtemp.pdf
2. Druckman, D., & Koeszegi, S. T. (2017). Electronic mediation. In A. Georgakopoulos (Ed.), *The mediation handbook: research, theory, and practice* (pp. 55-64). Routledge, Taylor and Francis Group. https://doi.org/10.4324/9781315648330
3. Hootsuite & Wearesocial (2021). *Digital 2021: Vietnam*.
4. Nigeria (2004). Code of Conduct for Court Employees. [access 10/07/2021] https://njc.gov.ng/code-of-conduct
5. Supreme Court of Philippines (2004). Code of conduct for court personnel. [access 10/07/2021] https://philja.judiciary.gov.ph/files/learning_materials/e-alerts_jun04.pdf
6. United States (2019). *Code of Conduct for Judicial Employees*. https://www.uscourts.gov/file/document/code-conduct-judicial-employees
7. Vilquin, J. and Bosio, E (2014). *Improving court efficiency: The Republic of Korea's e-court experience*. https://www.doingbusiness.org/en/reports/case-studies/2013/improving-court-efficiency

8. Wallace, A. (2008). eJustice: An Australian Perspective. In A. C. Martinez, & P. F. I. Abat (Eds.), *E-Justice: Information and Communications Technology in the Court System* (pp. 204-228). IGI Global.
9. Yu, J., & Xia, J. (2020). E-justice evaluation factors: The case of Smart Court of China. Information Development. https://doi.org/10.1177/0266666920967387